TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2018/HSST
Ngày 09/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Chung; ông Lò Văn Viễn.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Hùng, cán bộ Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo sau đây:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Bản L, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); còn bà: Đỗ Thị N; vợ là: Lường Thị D, có 01 con (04 tuổi); tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/6/2017 bị Toà án nhân dân huyện S ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 cho đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977. Trú tại: Bản H, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 8 giờ ngày 10/6/2017, khi đi qua nhà anh Nguyễn Văn C, ở bản H, xã N, huyện S, Đ nhìn thấy cổng mở, trong sân nhà có 01 chiếc máy cưa nên đã nẩy ý định chiếm đoạt đem bán lấy tiền để tiêu sài. Đ quan sát trong nhà không có người, bên ngoài không có người qua lại, Đ đi vào trong sân bê chiếc máy cưa ra xe, đặt lên đùi rồi điều khiển xe đi theo hướng bản H ra thị trấn S. Lúc này, anh C đang ngồi chơi ở nhà hàng xóm bên cạnh, cách nhà khoảng 40m nhìn thấy việc Đ vào lấy trộm chiếc máy cưa qua Camera nên đã chạy đuổi theo nhưng không kịp. Đ chở máy cưa đi qua cầu treo Sông M, rồi vòng xuống bản H, xã C, đi theo đường

liên xã M - H đến nhà Lầu Bả T ở bản C, xã H, huyện S. Tại nhà T, Đ đổi máy cưa lấy 2,5 phân Heroin trị giá 500.000 đồng để sử dụng.

Sau khi phát hiện Đ là người lấy trộm máy cưa, Nguyễn Văn C đã đến nhà Đ tìm nhưng không gặp, nên đã trình báo lên Ban công an xã N đề nghị giải quyết.

Ngày 21/6/2017 Ban Công an xã N làm nhiệm vụ tại bản L, xã N, huyện S thì phát hiện Đ đang đi chiếc xe mô tô chở máy cưa chạy trốn hôm nọ nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì Đ bỏ chạy, để lại xe cùng một thùng bìa cát tông bên trong có đựng 66 đôi pin nhãn hiệu Con Thỏ. Ban Công an xã N đã tạm giữ xe cùng số pin trên để xác minh. Ngày 26/6/2017 Ban Công an xã N đến nhà Đ để mời Đ đến trụ sở xã làm việc thì Đ không hợp tác, có hành vi dùng dao nhọn chống đối nên tổ công tác đã bắt giữ Đ và lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi: "Gây rối trật tự công cộng".

Tại Quyết định số: 92 ngày 27/6/2017 của Toà án nhân dân huyện S, Nguyễn Văn Đ bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng. Tại trung tâm cai nghiện, Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm máy cưa của gia đình anh Nguyễn Văn C.

Ngày 04/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện S thẩm, định giá và kết luận: Chiếc máy 5200, nhãn hiệu KA VI G750, loại 70, xích Thuỵ Điển, màu đỏ đã qua sử dụng do Nguyễn Văn Đ lấy trộm có giá trị 2.960.000đ.

Cáo trạng số 09/KSĐT- KT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Nguyễn Văn Đ về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Người bị hại xác nhận: Bị mất trộm chiếc máy cưa, sau đó đã có đơn trình báo cơ quan chức năng để truy tìm thủ phạm. Nay đã được gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại nên không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm Sát viên vẫn giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Nguyễn Văn Đ phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là khoản 1 điều 173, điểm b, s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn phạt bổ sung bị cáo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiển sát viên, bị cáo, bị hại cùng các chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng bị thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực, khi xét xử thì Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành. So sánh tội "Trộm cắp tài sản" của hai Bộ luật (BLHS năm 1999) và (BLHS năm 2015) thì đều có khung hình phạt như nhau (tức không có lợi cho người phạm tội). Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn áp dụng các quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết, xét xử đối với bị cáo.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu của người khác. Hành vi gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, gây bức xúc tình hình địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tuy chưa có tiền án nhưng đã có tiền sự, bị áp dụng biện phát xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi tội phạm xảy ra gia đình bị cáo đã bồi thường thoả đáng cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án thấp nhất cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cần áp dụng cho bị cáo được hưởng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đối với Lầu Bả T: Bị cáo khai đem máy cưa đến đổi được 2,5 phân Heroin, nhưng quá điều tra Thái không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ nào khác nên cơ quan Điều tra không có căn cứ xử lý T về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

- Đối với Đinh Thị D: Cho bị cáo mượn xe mô tô, nhưng khi cho mượn không biết mục đích phạm tội của bị cáo, nên cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị D là phù hợp, cần chấp nhận.

[9] Về vật chứng: 66 đôi pin nhãn hiệu Con Thỏ bị cáo khai một người tên C, ở bản K, xã H nhờ bán hộ, nhưng qua Điều tra xác minh tại địa phương không

xác định được người này. Do đó, cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước; 01 con dao nhon, chuôi bằng nhựa là vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về dân sự: Không đặt ra.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định nên miễn phạt bổ sung là (phạt tiền) cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, tạm giữ ngày 03/11/2017.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 66 (sáu mươi sáu) đôi pin nhãn hiệu con thỏ, màu đỏ.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) con dao nhọn, loại dao một lưỡi, phần thân dao bằng kim loại đã cũ hoen rỉ, dài 28cm, chỗ rộng nhất 04cm, chuôi dao bằng nhựa dài 13,5cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S Mã, tỉnh Sơn La.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Toà án nhân dân tỉnh Sơn La ;*
- *VKSND huyện S;*
- *Công an huyện S;*
- *Sở tư pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Người liên quan;*
- *Lưu HS;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lường Văn Quyết